Hướng đi nào cho hàng nông sản và sản phẩm làng nghề trong nước?

◆ **AN BÌNH**

Nước ta là nước nông nghiệp và có nhiều làng nghề phát triển, tuy nhiên các mặt hàng nông sản và sản phẩm của các làng nghề trong cả nước chưa thực sự có chỗ đứng trên thị trường. Việc tháo gỡ khó khăn này đã được các bộ, ngành quan tâm, song vấn đề này không thể giải quyết một sớm một chiều mà cần phải được xây dựng thành một chiến lược "dài hơi".

Chính sách, chủ trương đã có

Theo Bộ Công Thương, sản lượng hàng hóa nông sản thời gian gần đây luôn đạt mức tăng trưởng bình quân 20 - 30%, không những đảm bảo nhu cầu tiêu thụ trong nước mà còn tạo ra nguồn hàng hóa dồi dào phục vụ cho XK. Về lĩnh vực hàng thủ công mỹ nghệ (TCMN), với nguồn nguyên liệu sẵn có, nhân công dồi dào, khéo tay đã tạo ra nhiều sản phẩm độc đáo mang đậm nét dân tộc. Tuy nhiên, trong năm 2009, tình hình kinh tế thế giới suy thoái kéo theo nhiều khó khăn đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản XK. Các mặt hàng TCMN bị rớt giá, không có đầu ra, áp lực cạnh tranh lớn khiến cho người nông dân và các làng nghề khốn đốn.

Chính vì vậy, đầu năm 2010, Nhà nước đã có những chính sách, chủ trương nhằm đẩy mạnh tiêu thụ nông, lâm, thủy sản. Cụ thể, một số chính sách khuyến khích lâm nghiệp như việc xét giảm thuế các sản phẩm XK từ gỗ trồng rừng và gỗ vườn nhà theo quy định. Bộ Công Thương được giao sớm hoàn chỉnh Nghị định về kinh doanh XK gạo theo công văn số 221/TTg-KTTH ngày 4/2/2010. Hay việc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao chỉ đạo Hiệp hội XNK thủy sản Việt Nam thống nhất cơ chế quản lí giá thủy sản XK, trước mắt là đối với cá tra, cá basa đảm bảo XK với giá có lợi cho nhà nông.

Ngoài những chính sách, chủ trương của Nhà nước, các Hiệp hội ngành hàng cũng cùng chung tay tháo gỡ khó khăn, tìm hướng đi cho tiêu thụ hàng hóa nông sản, phát triển làng nghề. Đơn cử, trong suốt thời gian qua Trung tâm nghiên cứu kinh doanh và Hỗ trợ DN (BSA) đã xây dựng và thực hiện chương trình kết nối nhà nông với thị trường, thúc đẩy tiêu thụ và xây dựng nông sản, đặc sản làng nghề. BSA đã thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ tiêu thụ và xây dựng thương hiệu cho nông sản như đưa nông sản vào các hệ thống siêu thị, hỗ trợ làng nghề An Giang, cải thiện sản xuất và tiêu thụ trái vải Lục Ngạc (Bắc Giang)... Và gần đây nhất, Bộ Công Thương đã giao cho Viện Khoa học Quản trị DN nhỏ và vừa (thuộc Hiệp hội DN nhỏ và vừa) tìm các giải pháp đẩy mạnh tiêu thụ hàng nông sản và làng nghề trong nước... thông qua các phân tích, đánh giá thị trường, chia sẻ kinh nghiệm, tìm hướng giải quyết.

Vẫn còn nhiều trăn trở

Theo TS. Cao Sỹ Kiêm, Chủ tịch Hiệp hội DN nhỏ và vừa Việt Nam, một số mặt hàng nông sản của nước ta như gạo, cà phê, hồ tiêu, hạt điều... có sản lượng cao và được ưa chuộng tại nhiều thị trường trên thế giới. Các mặt hàng TCMN cũng hết sức đa dạng, phong phú nhiều mẫu mã, chủng loại. Tuy nhiên, một thực tế cho thấy, rất ít hàng nông sản Việt Nam có thương hiệu trên thế giới, giá trị thương mại chưa cao. Đó là chưa kể đến thời gian qua, không ít mặt hàng nông, thủy sản bị trả lại do không đảm bảo một số tiêu chí về vệ sinh an toàn thực phẩm khi XK sang châu Âu, Mỹ, Nhật.

Hàng nông sản, TCMN đem XK rất khó, bởi phải đảm bảo các quy trình chất lượng và phụ thuộc vào tình hình kinh tế thế giới. Song đối với những hàng hóa này tiêu thụ trong nước cũng không hề đơn giản. Ông Phan Thế Hào, Vụ trưởng, Trưởng cơ quan đại diện Bộ Công Thương tại TP.HCM cho biết, một trong những khó khăn đối với hàng nông sản, thủ công tiêu thụ trong nước chính là cơ chế chưa có sự đồng bộ, người nông dân sản xuất ra hàng hóa không biết đem bán cho ai, chủ yếu phụ thuộc vào các thương lái

nên thường xuyên xảy ra tình trạng được mùa thì bị ép giá, mất mùa thì không có hàng bán. Đó là chưa kể đến việc các mặt hàng nông sản này bị cạnh tranh gay gắt trên chính sân nhà như câu chuyện đáng buồn của những người nông dân trồng dưa ở miền Tây mới đây, trồng ra những trái dưa ngon ngọt, được mùa nhưng khi đem bán thì giá chưa bằng nửa số vốn bỏ ra và rớt giá do sức cạnh tranh của dưa Trung Quốc... Theo thống kê chỉ một số ít hộ nông dân, chủ trang trại có thể đem hàng bỏ mối cho siêu thị, hệ thống bán lẻ trong nước như Co.op Mart, Maximart, Metro... Song số này không nhiều bởi phải đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn, qui trình khép kín cũng như chi phí đầu tư cao. Nhiều nhà quản lí của các siêu thị trong nước đều chia sẻ, để hàng nông sản nội có được chỗ đứng trên thị trường, ngoài việc đầu tư nâng cao chất lượng thì việc xây dựng thương hiệu cho những mặt hàng này cũng hết sức quan trọng.

Tín dụng tạo sức bật cho nông sản, sản phẩm làng nghề

Nghị định số 41/2010/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/6/2010, sẽ tạo ra một cú "hích" cho dòng vốn đầu tư của các tổ chức tín dụng chuyển về khu vực nông nghiệp, nông thôn. Cùng với các nguồn vốn khác, nguồn vốn tín dụng ngân hàng không chỉ góp phần xóa đói giảm nghèo, cung ứng đủ vốn sản xuất, kinh doanh mà còn giúp nông dân nâng cao đời sống, làm giàu trên chính quê hương của mình, đồng thời từng bước hiện đại hóa và thay đổi bộ mặt của nông thôn Việt Nam.

Theo ông Tạ Quang Khánh, Vụ trưởng Vụ Tín dụng (NHNN), Nghị định 41 của Chính phủ là khuôn khổ pháp lí để tăng cường đầu tư tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Bởi, Nghị định này đã tạo ra cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích các tổ chức tín dụng tăng cường chuyển vốn về đầu tư cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo cơ chế cho vay thương mại với lãi suất phù hợp. Bên cạnh đó, tiếp tục tạo điều kiện cho khách hàng dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ngân hàng, thông qua việc đơn giản hóa thủ tục, giảm bớt những điều kiện kém lợi thế của khách hàng và có chính sách hỗ trợ người nông dân vay vốn gặp rủi ro do các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh.

So với các chính sách đã được Chính phủ và NHNN ban hành trước đây thì Nghị định 41 có những điểm mới sau:

Thứ nhất, phạm vi, đối tượng áp dụng khá toàn diện về hoạt động tín dụng đối với nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Nếu như các quy định trước đây (Quyết định số 67/1999/QĐ-TTg ngày 30/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ) mới chỉ tập trung vào đối tượng các ngân hàng thương mại nhà nước, các hộ sản xuất, HTX... thực hiện sản xuất nông nghiệp trên địa bàn nông thôn thì Nghị định 41 đã quy định khá đầy đủ các đối tượng là tất cả các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính quy mô nhỏ thuộc mọi thành phần kinh tế; các cá nhân hộ gia đình, HTX, chủ trang trại và cả các DN, các tổ chức cung ứng các dịch vụ ở nông thôn. Đặc biệt, 8 lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được đề cập trong Nghị định là khá toàn diện từ phục vụ sản xuất, dịch vụ, chế biến các sản phẩm nông nghiệp đến xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển ngành nghề và cả cho vay tiêu dùng đối với bà con nông dân (thay vì chỉ chủ yếu cho vay phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như trước đây).

Thứ hai, Nhà nước sẽ hỗ trợ những mặt kém lợi thế của lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thông qua các công cụ chính sách trong tay nhà nước và cả những hỗ trợ để khắc phục thiên tai, dịch bệnh của ngành nông nghiệp trong từng thời kì.

Thứ ba, so với cơ chế trước đây thì vấn đề nguồn vốn cho vay nông nghiệp, nông thôn

(Xem tiếp trang 20)

lại trước khi người đó tiến hành mua hàng.

Ngoài ra, Điều 7, NĐ số 110 còn quy định những hành vi cấm DN bán hàng đa cấp thực hiện, cụ thể là những hành vi sau:

1. Yêu cầu người muốn tham gia phải đặt cọc để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp.

2. Yêu cầu người muốn tham gia phải mua một số lượng hàng hoá ban đầu để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp.

3. Yêu cầu người muốn tham gia phải trả tiền hoặc trả bất kỳ khoản phí nào dưới hình thức khoá học, khoá đào tạo, hội thảo, hoạt động xã hội hay các hoạt động tương tự khác để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp, trừ tiền mua tài liệu theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Nghị định này.

4. Không cam kết cho người tham gia trả lại hàng hoá và nhận lại khoản tiền đã chuyển cho DN theo quy định tại Điều 11, Nghị định này.

5. Cản trở người tham gia trả lại hàng hoá phát sinh từ việc chấm dứt hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp.

6. Cho người tham gia nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế khác từ việc dụ dỗ người khác tham gia bán hàng đa cấp.

7. Từ chối chi trả không có lý do chính đáng các khoản hoa hồng, tiền thưởng hay các lợi ích kinh tế khác mà người tham gia có quyền hưởng.

8. Cung cấp thông tin gian dối về lợi ích của việc tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp để dụ dỗ người khác tham gia bán hàng đa cấp.

9. Cung cấp thông tin sai lệch về tính chất, công dụng của hàng hoá để dụ dỗ người khác tham gia bán hàng đa cấp.

L.S: ĐÀO LÝ *(thực hiện)*

HƯỚNG ĐI NÀO...

(Tiếp theo trang 18)

được quy định đầy đủ hơn, đặc biệt các nguồn vốn ủy thác của Chính phủ hàng năm cho vay nông nghiệp, nông thôn (thông qua các tổ chức tín dụng) và nguồn vốn được hình thành do việc sử dụng các công cụ điều hành chính sách tiền tệ của NHNN.

Thứ tư, về lãi suất cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn, không quy định thấp hơn lãi suất cho vay chung, nhưng thông qua các công cụ chính sách và nguồn vốn huy động từ nhiều nguồn khác nhau, nhà nước sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng giảm lãi suất huy động đầu vào và khuyến khích cho vay người nông dân ở mức lãi suất phù hợp, không bị thua thiệt so với mặt bằng lãi suất chung.

Thứ năm, cơ chế bảo đảm tiền vay theo qui định hiện hành, nhưng một số đối tượng khách hàng còn được xem xét cho vay không có bảo đảm bằng tài sản với mức cho vay tối đa được nâng cao hơn rất nhiều so với trước đây.

Thứ sáu; tổ chức tín dụng xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng không trả nợ đúng hạn do các nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh), đồng thời tiếp tục được xem xét cho vay mới để người nông dân có tiền tiếp tục sản xuất vụ mới (qui định thông thường nếu khách hàng có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng thì không được tổ chức tín dụng cho vay món mới cho đến khi trả hết nợ)...

Thứ bảy, Nghị định cho phép các tổ chức được trích theo thực tế phát sinh (rủi ro nhiều trích nhiều, rủi ro ít trích ít theo phương pháp tạm ứng và cuối năm điều chỉnh) mà không phân biệt khoản vay có tài sản bảo đảm hay không có tài sản bảo đảm (theo quy định hiện hành thì các khoản vay không có tài sản bảo đảm phải trích dự phòng lớn hơn các khoản vay có bảo đảm).

Thứ tám, đặc biệt, Nghị định lần này đã xác định rõ việc đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn không còn là công việc riêng của ngành ngân hàng mà nó là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội. Nghị định đã quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc triển khai thực hiện đầu tư tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Thứ chín, tuy Nghị định không qui định cụ thể về lĩnh vực này nhưng khuyến khích khách hàng vay vốn tại các tổ chức tín dụng mua bảo hiểm rủi ro trong nông nghiệp nhằm bảo đảm an toàn hoạt động cho cả khách hàng và ngân hàng. Tổ chức tín dụng xây dựng chính sách khách hàng theo hướng miễn giảm lãi vay đối với các đối tượng này ■